

# VÀI NÉT VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG Ở NAM BỘ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945-1954)

NGUYỄN NGỌC DUNG\*

## 1. Sự thiết lập chính quyền cách mạng ở Nam Bộ

Khi Thế chiến II đi vào hồi kết thúc, ở Đông Dương, Nhật đã hất cẳng Pháp để độc chiếm xứ này nhằm chuẩn bị cho giai đoạn hậu chiến. Trong giai đoạn này, cả hai kẻ thù Nhật - Pháp đều đã suy yếu tương đối. Đảng ta liền nắm thời cơ phát động khởi nghĩa từng phần. Chỉ thị "Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" ngày 12-3-1945 của Thường vụ Trung ương Đảng đã khởi đầu những cuộc nổi dậy khởi nghĩa của nhiều địa phương ở Bắc Bộ. Kết quả là một số địa phương đã thiết lập được chính quyền dân chủ nhân dân; từ đó hình thành khu giải phóng ở Việt Bắc. Ở đó, Mặt trận Việt Minh đã đảm đương nhiệm vụ của một chính quyền cách mạng. Khi cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra, các địa phương còn lại ở Bắc Bộ và Trung Bộ đã thừa hưởng "tinh thần và lực lượng" từ các cuộc khởi nghĩa từng phần ở giai đoạn trước, đặc biệt có sự chỉ đạo trực tiếp của trung ương Đảng.

Trong khi đó, tình hình cách mạng ở Nam Bộ còn gặp rất nhiều khó khăn. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940),

lực lượng cách mạng tại chỗ bị tổn thất rất lớn, thêm vào đó là sự chia tách lực lượng thành 2 tổ chức Tiền phong và Giải phóng. Trong Đảng bộ Nam Bộ có bộ phận thuộc Xứ ủy Tiền phong, có bộ phận thuộc Xứ ủy Giải phóng, có bộ phận độc lập không thuộc hệ thống nào (1). Số cán bộ chủ chốt của Xứ ủy Giải phóng phần lớn xuất thân từ tầng lớp nông dân, có nhiều kinh nghiệm hoạt động ở vùng nông thôn, số lãnh đạo chủ chốt của tổ chức Tiền phong phần đông xuất thân từ tầng lớp trí thức, tiểu tư sản có kinh nghiệm đấu tranh công khai, bán công khai ở đô thị. Tất cả họ đều là những người cộng sản trung kiên của phong trào cách mạng ở Nam Bộ.

Tuy nhiên sau sự kiện Nhật đảo chính Pháp mùng 9 tháng 3, cả hai Xứ ủy Tiền phong và Giải phóng đều khẩn trương chuẩn bị lực lượng giành chính quyền. Xứ ủy Tiền phong nhận thấy "thời cơ khởi nghĩa sắp đến" và cần phải tập hợp một đạo quân chính trị "phát động phong trào đấu tranh nổi dậy ở Sài Gòn và khắp miền Nam, cho kịp với Cách mạng ở Bắc, Trung chớ nhất quyết không được trễ" (2). Đạo quân chính trị ở đây - theo mục tiêu của Xứ

\* TS. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

ủy Tiên phong là lực lượng quần chúng đông đến hàng chục vạn hoặc hàng triệu người, bao gồm giai cấp công nhân, nông dân, thợ thủ công, viên chức có tinh thần chiến đấu cao. Sài Gòn được coi là trung tâm cuộc khởi nghĩa giành chính quyền, từ đó phong trào cách mạng lan tỏa khắp các tỉnh thành Nam Bộ.

Tổ chức Thanh niên Tiên phong là lực lượng chính trị đông đảo sớm được hình thành. Khi quyền Tổng trưởng Thanh niên - Thể thao Đông Dương của Nhật - Ida mời bác sỹ Phạm Ngọc Thạch và một nhóm trí thức đứng ra thành lập một tổ chức thanh niên ở Sài Gòn và Nam Bộ lợi dụng ý đồ muốn xây dựng một lực lượng hùng hậu tay sai thân Nhật của Ida Xứ ủy Tiên phong đã bàn bạc với nhóm trí thức trên nhanh chóng công khai tập hợp lực lượng thanh niên, biến thành đạo quân chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nhờ thế, tổ chức Thanh niên Tiên phong mới ra đời vào ngày 1-6-1945, dưới sự lãnh đạo của một Hội đồng Quản trị đứng đầu là Kha Vạn Cân - Chủ tịch, Huỳnh Kim Hũu - Phó Chủ tịch, Phạm Ngọc Thạch - Thư ký và một số ủy viên khác (3). Hệ thống tổ chức của Thanh niên Tiên phong từ cấp Nam Bộ (trung ương) tới các tỉnh thành, quận huyện, xã, cơ quan, xí nghiệp, trường học, về cơ bản, đều được đề cử sắp xếp theo chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; ngoại trừ một số trường hợp kẻ cơ hội chính trị hoặc nội gián của Nhật cài đặt vào làm thủ lĩnh cấp tỉnh hay quận.

Lúc bấy giờ, phong trào công nhân, trí thức ở Sài Gòn phát triển khá mạnh. Cuối tháng 3-1945, Tổng công đoàn Nam Bộ tổ chức hội nghị đại biểu do Hà Huy Giáp chủ trì bầu ra Ban chấp hành mới; đồng thời xây dựng chương trình hành động đón thời cơ khởi nghĩa. Tháng 6-1945, sau ngày

Thanh niên Tiên Phong ra đời, Xứ ủy Tiên Phong và Thành ủy Sài Gòn quyết định sáp nhập các tổ chức trên dưới tên gọi "Thanh niên Tiên Phong Ban Xí nghiệp, (TNTP-BXN)" và thành lập các nghiệp đoàn cơ sở như Nghiệp đoàn thợ da, Nghiệp đoàn công nhân cơ khí, Nghiệp đoàn hàng hải... Trong vòng ba tháng sau đó, nhiều trụ sở của TNTP-BXN đã xuất hiện công khai nhiều nơi tại Sài Gòn - Chợ Lớn.

Trong lực lượng chính trị của Đảng ở Nam Bộ, bên cạnh thành phần thanh niên, công nhân, trí thức còn phải kể đến đội ngũ đông đảo giai cấp nông dân tham gia các tổ chức Việt Minh ở địa phương. Hầu hết các cơ sở Đảng ở nông thôn đã được phục hồi và phát triển mạnh trở lại kể từ Khởi nghĩa Nam Kỳ. Công tác binh vận được cả Xứ ủy Tiên phong và Giải phóng khẩn trương xúc tiến. Đối tượng binh vận là các sắc lính bảo an, cảnh sát người Việt trong quân đội Pháp và Nhật. Theo sử gia Trần Văn Giàu *"Chưa bao giờ ở Sài Gòn, ở Nam Bộ có một lực lượng công nhân, nông dân và lực lượng thanh niên cách mạng lớn mạnh như vậy... Đảng Cộng sản thực sự trở thành lực lượng có tổ chức mạnh hơn các đảng phái khác cộng lại"* (4).

Trong quá trình chuẩn bị lực lượng giai đoạn tiền khởi nghĩa, hai Xứ ủy Tiên phong và Giải phóng ở các cấp từ đầu não đến cơ sở đều có sự đoàn kết, hợp tác. Tuy nhiên, tình hình tồn tại song song hai hệ thống đã gây ra những khó khăn nhất định cho cách mạng Nam Bộ. Xứ ủy Tiên phong và Xứ ủy Giải phóng đã mấy lần gặp gỡ để bàn việc thống nhất tổ chức và hoạt động nhưng không đạt kết quả. Tháng 7-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng cử Bùi Lâm vào truyền đạt ý kiến của Trung ương nhằm thống nhất Đảng bộ Nam Kỳ. Do không lập được một Xứ ủy thống nhất, Bùi

Lâm đề nghị lập ra “Ban hành động thống nhất” do ông làm trưởng ban, mỗi Xứ ủy cử hai đại diện tham gia nhằm phối hợp hành động chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa khi thời cơ đến (5).

Sau khi Nhật đầu hàng Đồng Minh (13-8-1945), mặc dù không nhận được chỉ thị từ Trung ương, ngày 15-8-1945 Xứ ủy Tiền phong vẫn chủ động thành lập “Ủy ban khởi nghĩa”. Đêm 16 - rạng sáng 17-8-1945, Xứ ủy Tiền phong bắt đầu họp “Hội nghị mở rộng” tại chợ Đệm để bàn về tổng khởi nghĩa. Trong hội nghị có những ý kiến dẫn đo về tình hình thế giới, tình hình trong nước, so sánh lực lượng ta - địch, bài học về khởi nghĩa Nam Kỳ; từ đó Xứ ủy cân nhắc có dùng hình thức tổng khởi nghĩa hay không, hoặc xác định thời điểm tổng khởi nghĩa toàn Nam Bộ khi nào. Sáng ngày 20-8-1945 Xứ ủy Tiền phong mới nhận được tin khởi nghĩa thành công ở Hà Nội. Sáng hôm sau, Xứ ủy triệu tập Hội nghị chợ Đệm lần hai, thận trọng chọn Tân An làm nơi khởi nghĩa thí điểm, đề phòng sự can thiệp của quân Nhật đàn áp phong trào cách mạng; nếu Tân An thành công sẽ tiến hành khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh.

Theo kế hoạch, cuộc khởi nghĩa ở Tân An nổ ra trong đêm 22-8 ở thị xã, sau đó xuống các địa phương. Nhưng tình thế diễn biến cho thấy lực lượng thân Nhật có thể tổ chức cướp chính quyền trước. Ủy ban khởi nghĩa Tân An quyết định ra tay tổ chức khởi nghĩa ngay buổi chiều 22-8. Trước sức mạnh áp đảo của quân chúng, quân Nhật và bọn tay sai thân Nhật không dám chống cự, chính quyền cách mạng tỉnh Tân An được thành lập.

Sau cuộc khởi nghĩa Tân An thành công, Xứ ủy Tiền phong đã triệu tập Hội nghị chợ Đệm lần thứ ba vào sáng 23-8 quyết định thời điểm khởi nghĩa ở Sài Gòn. Trong thời

gian Thường vụ Xứ ủy Tiền phong họp tại chợ Đệm, các tỉnh thành khắp Nam bộ đều khẩn trương thành lập “Ủy ban khởi nghĩa” các cấp và xúc tiến công tác tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Vào hồi 18 giờ ngày 24-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa Nam Bộ phát lệnh khởi nghĩa theo kế hoạch thống nhất trước đó. Đến nửa đêm 24-8, hàng trăm ngàn quần chúng vũ trang bằng giáo mác, gậy gộc từ ngoại ô các vùng Bà Điểm, Hóc Môn, Bình Đông, Bình Chánh, chợ Đệm...; từ các tỉnh lân cận đã tiến vào trung tâm Sài Gòn, giương cao cờ đỏ búa liềm, hô vang khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh. Trưa ngày 25-8-1945, Ủy ban hành chánh Nam Bộ lâm thời được thành lập gồm 9 ủy viên do đồng chí Trần Văn Giàu làm Chủ tịch (6).

Đồng thời, các địa phương khác cũng phát động quần chúng nhất tề nổi dậy giành chính quyền về tay cách mạng. Chỉ trong mấy ngày từ 25 - 28/8/1945, hai mươi tỉnh thành Nam Bộ đã thiết lập được chính quyền cách mạng. Hà Tiên là địa phương giành được chính quyền sau cùng (7). Mặc dù trong những ngày đó, bọn cầm đầu thân Nhật trong giáo phái Cao Đài đã tập hợp hàng vạn tín đồ chống lại quần chúng cách mạng; nhóm Quốc Dân đảng người Hoa đã chi phối được 5 vạn phần tử quá khích (8). Đó là chưa kể một số lực lượng chính trị cơ hội khác như Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên đã làm phức tạp thêm quá trình thiết lập chính quyền cách mạng các cấp cơ sở.

Như vậy ở Nam Bộ, mặc dù cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra muộn hơn so với cả nước (từ tháng 6-1945) để sau đó bước ngay vào giai đoạn tổng khởi nghĩa giành chính quyền; song, nhờ công tác củng cố và phát triển kịp thời các cơ sở Đảng, mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cách

mạng, đặc biệt là công tác xây dựng lực lượng Thanh niên Tiền phong, cuộc tổng khởi nghĩa ở Nam Bộ đã thành công trọn vẹn.

## **2. Công tác xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ thời kỳ từ tháng 9/1945 - 1947**

Ngày 2-9-1945, Hồ Chủ tịch đã đọc bản “Tuyên ngôn độc lập”, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Ở miền Bắc và miền Trung, chính quyền dân chủ nhân dân đã được thiết lập khá nhanh chóng. Nhưng ở Nam Bộ, điều kiện xây dựng chính quyền cách mạng lúc bấy giờ rất khó khăn, phức tạp. Bởi vì Nam Bộ là mục tiêu tái chiếm đầu tiên của thực dân Pháp, tạo bàn đạp sau đó tái chiếm toàn bộ Đông Dương. Leclerc tư lệnh lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã lên kế hoạch bình định Nam Bộ trong vòng 18 tháng. Vì thế, chính quyền cách mạng ở đây chưa tròn một tháng tuổi đã phải đối mặt với một kẻ thù hung bạo và nham hiểm. Ngày 23-9-1945, toàn Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống lại cuộc xâm lược của đội quân viễn chinh Pháp. Tương quan lực lượng quá chênh lệch giữa một bên chủ yếu là gậy tầm vông, giáo mác; bên kia là đội quân tinh nhuệ, vũ khí hiện đại cùng với sự giúp đỡ của 20 ngàn quân Anh và sự hiện diện của 40 ngàn quân Nhật. Để hiểu được công tác xây dựng chính quyền cách mạng Nam Bộ trong giai đoạn này thì phải bắt đầu từ công tác xây dựng Đảng.

- *Công tác xây dựng Đảng.* Như một quy luật, công tác xây dựng chính quyền cách mạng bắt buộc phải xuất phát từ công tác xây dựng Đảng. Sau khi chính quyền cách mạng ở Nam Bộ được thiết lập, cuối tháng 8-1945, Trung ương Đảng phái hai cán bộ cao cấp là Hoàng Quốc Việt và Cao Hồng

Lãnh vào giúp Xứ ủy và Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam bộ kiện toàn công tác tổ chức. Tối ngày 7-9-1945 tại trụ sở Tổng Công đoàn Nam Bộ (số 72, đường La Grandiere), hai cán bộ trên đã thay mặt Trung ương Đảng chủ trì một hội nghị gồm có đại biểu các đoàn thể của Xứ ủy Tiền phong và Xứ ủy Giải phóng tham dự. Sau năm giờ thảo luận, các đại biểu quyết định dẹp bỏ những hiểu lầm, nghi kỵ, thống nhất các đoàn thể của hai Xứ ủy trong “Ủy ban Việt Minh Nam Bộ” Tuy nhiên, đây chỉ là bước đầu khắc phục tình trạng phân biệt giữa hai Xứ ủy.

Khi Nam Bộ bước vào cuộc kháng chiến (23-9-1945), vấn đề chấm dứt tình trạng tồn tại hai Xứ ủy trong phong trào cách mạng Nam Bộ đặt ra cấp thiết hơn bao giờ hết. Ngày 15-10-1945, các cán bộ chủ chốt của hai Xứ ủy cùng một số đảng viên mới từ Côn Đảo trở về đã họp tại cầu Vỹ (Mỹ Tho), nhất trí cử ra “Xứ ủy Lâm thời” 11 ủy viên, gồm: Tôn Đức Thắng (Bí thư Xứ ủy), Lê Duẩn, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp, Trần Ngọc Danh, Lê Văn Sỹ, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Văn Kính, Hoàng Dư Khương, Nguyễn Thị Thập.

Mười ngày sau, 25-10-1945, Xứ ủy Lâm thời triệu tập hội nghị mở rộng tại Thiên Hộ (Mỹ Tho), có sự tham dự của Hoàng Quốc Việt, ủy viên thường vụ Trung ương. Trong hội nghị này, theo đề nghị của đồng chí Tôn Đức Thắng, hội nghị cử đồng chí Lê Duẩn làm Bí thư Xứ ủy Lâm thời, cử đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ thay đồng chí Trần Văn Giàu ra nhận công tác tại Trung ương.

Từ sau Hiệp định sơ bộ (6-3-1946), công tác kiện toàn tổ chức Đảng ở Sài Gòn, Gia Định và các địa phương khác tiếp tục diễn ra. Tại Sài Gòn, tháng 5-1946, đồng chí Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc Nguyễn Văn

Linh) xứ ủy viên, đã chủ trì hội nghị đại diện hai tổ chức là Thành bộ Việt Minh Sài Gòn và Ủy ban Việt Minh Chợ Lớn để lập ra “Thành ủy Lâm thời” do Trịnh Đình Trọng làm Bí thư; đến cuối năm 1946, Thành ủy Lâm thời được bổ sung một số thành viên mới (9).

Tại tỉnh Gia Định, hai tỉnh ủy Tiền phong và Giải phóng đã tổ chức hội nghị hiệp nhất vào tháng 10-1946 tại Tân Thới hiệp (Gò Vấp), dưới sự chủ trì của Lê Minh Định đại diện khu ủy khu Bảy; bầu ra “Tỉnh ủy Thống nhất Lâm thời” gồm 11 thành viên đứng đầu là Trần Văn Thời (Bí thư), sau thay bằng Phạm Văn Chiêu. Còn ở các tỉnh khác của Nam Bộ, hội nghị cấp ủy mở rộng, hoặc hội nghị đảng viên có hoặc không có đại diện Xứ ủy, Liên tỉnh ủy chủ trì lần lượt cử ra Tỉnh ủy; Tỉnh ủy cử ra Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Việt minh tỉnh. Từ đó các tỉnh gấp rút tổ chức xây dựng hệ thống đảng chính quyền mặt trận - đoàn thể xuống cơ sở.

Sau hội nghị của các tỉnh ủy, liên tỉnh ủy, khu ủy, vào tháng 11-1946, Hội nghị Xứ ủy mở rộng đã được triệu tập tại chiến khu Đồng Tháp Mười. Hội nghị thảo luận và ra nghị quyết củng cố, bổ sung Xứ ủy Lâm thời mới Nam Bộ, gồm các đồng chí Phạm Hùng (Bí thư), Hà Huy Giáp, Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Cúc, Trần Văn Trà, Nguyễn Đức Thuận, Phan Trọng Tuệ, Nguyễn Văn Kính (thường trực Xứ ủy), Hoàng Du Khương, Nguyễn Văn Tiếp. Hội nghị cũng ra nghị quyết củng cố các Liên tỉnh ủy miền Đông, miền Trung và miền Tây Nam Bộ. Nguyễn Đức Thuận được chỉ định làm Bí thư Liên tỉnh ủy miền Đông; Nguyễn Văn Cúc được phân công phụ trách Sài Gòn - Gia Định.

Hội nghị Xứ ủy tháng 11-1946 có tầm quan trọng đặc biệt, vì đã tăng cường tính

thống nhất trong Đảng từ cấp Nam Bộ (Xứ) đến các cấp cơ sở bên dưới; đó là kết quả của một quá trình đấu tranh khá cam go phức tạp trong nội bộ Đảng để đạt tới sự thống nhất trong chỉ đạo cách mạng ở Nam Bộ.

*Công tác xây dựng chính quyền.* Sự kiện toàn các cấp ủy Đảng luôn gắn liền với việc sắp xếp nhân sự trong các cấp chính quyền cách mạng Nam Bộ. Do những điều kiện lịch sử đặc biệt, hệ thống chính quyền cách mạng Nam Bộ đã ra đời trên cơ sở liên minh giai cấp và các lực lượng chính trị khác nhau; nhất là cấp chính quyền từ tỉnh thành trở xuống đến cơ sở.

Ngày 10-9-1945, Ủy ban Hành chánh Lâm thời Nam Bộ đã được cải tổ thành “Ủy ban Nhân dân Nam Bộ” gồm 13 thành viên do Luật sư Tiến sĩ Phạm Văn Bạch làm Chủ tịch, Bí thư Xứ ủy Trần Văn Giàu làm Phó Chủ tịch kiêm Ủy trưởng quân sự. Bên cạnh Ủy ban Nhân dân Nam Bộ còn có ban cố vấn gồm 50 nhân sĩ trí thức do bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng làm trưởng ban (10).

Ngày 25-11-1945 Trung ương Đảng ra chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, nêu rõ nhiệm vụ của Nam Bộ là phong tỏa kinh tế, chính trị những thành phố đã lọt vào tay địch, kết hợp tiến công quân sự với chiến tranh du kích một cách triệt để. Thực hiện chủ trương trên, Nam Bộ được chia thành 3 khu: khu Bảy, khu Tám và khu Chín.

*Chiến khu Bảy* gồm Sài Gòn Chợ lớn và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, có căn cứ địa Lạc An (Tân Uyên, Biên Hòa), do Nguyễn Bình làm khu Bộ trưởng, Dương Văn Dương làm khu bộ phó.

- *Chiến khu Tám* gồm 5 tỉnh miền Trung Nam Bộ (Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre, Sa đéc) có căn cứ Đồng Tháp Mười, do Đào Văn Trường làm khu Bộ trưởng, Trương Văn Giàu làm khu bộ phó.

*Chiến khu Chín* gồm 9 tỉnh miền Tây Nam Bộ (Vĩnh Long, Trà Vinh, Châu Đốc, Long Xuyên, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên) có chiến khu U Minh, do Vũ Đức làm khu Bộ trưởng, Nguyễn Ngọc Bích làm khu bộ phó.

Đây là hình thức *chính quyền quân sự hóa*, thường được gọi là các cấp quân - dân - chính. Việc áp dụng mô hình chính quyền như thế, là phù hợp với yêu cầu tổ chức cuộc kháng chiến chống Pháp bấy giờ. Cho nên sau này, Ủy ban Nhân dân Nam Bộ được đổi thành Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ (còn gọi là Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ) theo Sắc lệnh số 91/SL do Hồ Chủ tịch ký ngày 1-10-1947.

Trong Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ bấy giờ, có nhiều thành viên thuộc đảng phái khác nhau như Nguyễn Bình (Quốc dân đảng), Kha Vạn Cân (tư sản), Huỳnh Phú Sổ (Hoà Hảo), Trần Bửu Kiếm (Đảng Dân chủ). Ngoài bộ máy hành chính đầu não trên, các cơ quan cấp Nam Bộ cũng được thiết lập như các Sở Tư pháp, Sở Kinh tế, Sở Thông tin, Sở Canh nông, Sở Thương binh xã hội, Đài phát thanh tiếng nói Nam bộ kháng chiến... Nhiều cán bộ ban ngành các cấp của chính quyền cách mạng từng làm công chức cho Pháp.

Là một chính quyền dân chủ nhân dân, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã đứng ra tổ chức bầu hội đồng nhân dân các cấp; hội đồng nhân dân cử ra ủy ban hành chính kháng chiến cấp tương đương. Tuy nhiên giai đoạn này, công tác xây dựng chính quyền cách mạng gặp khá nhiều khó khăn, do kế hoạch tái chiếm Nam Bộ của thực dân Pháp đã biến Nam Bộ những năm từ 1945-1947 thành chiến trường chính, tập trung phần lớn binh lực địch.

Trước những hoạt động ruồng bỏ ác liệt của kẻ thù, một bộ phận khá lớn lực lượng kháng chiến Nam Bộ thời kỳ này bị tan rã. Như bản báo cáo "Tình hình quân khu 7 từ 25-8-1945 đến 6-1949" cho thấy: *"một điều đặc biệt là sau khi cướp chính quyền, có chỗ chính quyền không trao hẳn cho một đoàn thể nhân dân hay đoàn thể cách mạng chân chính; có khi vì tình trạng đặc biệt của tỉnh ấy để cho một quan lại cũ giữ chức quyền chủ tịch, có khi lại là một tín đồ Cao Đài. Vì thế ở tỉnh Bà Rịa có trường hợp Lê Văn Huệ, công chức Pháp cũ đã leo vào hàng ngũ cách mạng và leo lên chức Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh, tiếp tục ngấm ngấm làm tay sai cho giặc"* (11). Sự phân hoá, thậm chí tan rã của chính quyền cách mạng ở một số địa phương Nam Bộ thời kỳ 1945-1947 đặt ra nhiệm vụ trọng tâm cho Xứ ủy là phải củng cố vai trò công - nông và sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp. Cho nên, nhiệm vụ xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn này, trước hết là đảm bảo xây dựng một chính quyền cách mạng tiêu biểu cho mặt trận Dân tộc thống nhất, trong đó, liên minh công-nông là nòng cốt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

### **3. Công tác xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ thời kỳ 1947-1950**

Sau năm 1947, mặc dù chiến trường chính của địch chuyển ra Bắc Bộ nhưng địch vẫn chủ trương biến Nam Bộ thành hậu phương chiến lược của chúng nhằm cung cấp nhân lực, vật lực, tài lực cho chiến trường Bắc Bộ. Hơn nữa ở Nam Bộ, do những điều kiện lịch sử mà hình thành nhiều tôn giáo, đảng phái những lực lượng bị thực dân Pháp triệt để lợi dụng để chống phá cách mạng. Bên cạnh đó, chính sách "chia để trị" được thực dân Pháp thực

thi triệt để trong suốt giai đoạn kháng chiến.

Đến năm 1949, sau sự sụp đổ của một loạt các chính phủ bù nhìn Nguyễn Văn Thịnh, Lê Văn Hoạch, Nguyễn Văn Xuân, thực dân Pháp đã nặn ra cái gọi là “Mặt trận quốc gia” gồm các phần tử tôn giáo phản động, trí thức tư sản bán nước, bọn đầu cơ chính trị nhằm tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam (12). Ngoài ra, thực dân Pháp còn tiếp tục vũ trang cho người Khmer ở Sóc Trăng, Bạc Liêu để chống phá chính quyền cách mạng, gây ra nhiều cuộc tàn sát người Việt ở các địa phương trên, nhằm khơi sâu thêm mâu thuẫn sắc tộc.

Để chống lại những thủ đoạn chính trị nham hiểm của địch, Xứ uỷ đã tích cực củng cố Mặt trận đoàn kết dân tộc và các đoàn thể cứu quốc. Đầu năm 1947, Mặt trận Việt Minh Nam Bộ ra đời do Hà Huy Giáp, đảng viên cộng sản làm Chủ nhiệm, Vương Văn Lễ (Đảng Dân chủ) làm Phó Chủ nhiệm, Trần Bạch Đằng làm Tổng thư ký. Tháng 12-1947, Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ lần thứ nhất tổ chức tại hành dinh của Bộ chỉ huy quân sự khu Tám ở Nhơn Linh, Mộc Hóa (Long An ngày nay) đã ra nghị quyết lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, trong đó có nội dung xây dựng chính quyền kháng chiến theo phương châm “bên dưới thật kiên định, mạnh, bên trên thật tiêu biểu” (13).

Trong những thử thách ác liệt và phi thường như vậy, công tác xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ vẫn được xúc tiến, phù hợp với từng bước đi lên của cuộc kháng chiến trên phạm vi toàn quốc. Từ năm 1947 trở đi, hệ thống chính quyền cách mạng ở Nam Bộ đã có bước trưởng thành quan trọng. Các phần tử phá hoại đã dần dần bị loại ra khỏi hệ thống chuyên chính. Chính quyền cách mạng đã thực sự

trở thành một chính quyền kháng chiến, một công cụ sắc bén của nhân dân đấu tranh chống lại cuộc bình định Nam Kỳ của thực dân Pháp.

Vùng tự do là thành tựu nổi bật của cuộc đấu tranh và xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ, bao gồm Đồng Tháp Mười, khu Chín, Tây Ninh, Thủ Biên, nơi nhân dân ta xây dựng chế độ mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội. Đặc biệt là Đồng Tháp Mười, U Minh đã trở thành vùng tự do của ta trong suốt những năm kháng chiến. Đó là “Việt Bắc của Nam Bộ”, nơi đặt các cơ quan chỉ huy từ cấp miền, khu, tỉnh, Đài phát thanh Nam Bộ, công xưởng, bệnh viện.

Ngoài vùng tự do, hệ thống chính quyền của ta cắm chân ở khắp các vùng bị tạm chiếm, khu du kích, từng bước lấn át chính quyền xã tề của địch. Đầu năm 1949, toàn Nam Bộ có 1042 xã thì chính quyền nhân dân đã làm chủ 649 xã (14). Tuy tình hình cụ thể mà một số địa phương có lực lượng cách mạng lớn mạnh đã thành lập “Ủy ban Kháng chiến Hành chính xã” hoặc “Ủy ban Quân dân chính” Rõ ràng, hệ thống chính quyền nhân dân ở Nam Bộ đã được tổ chức theo nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Dưới đây là bản tổng kết tình hình đấu tranh xây dựng chính quyền cấp xã ở 17 tỉnh Nam Bộ trong năm 1949 (số liệu đã qua xử lý) (xem bảng 1).

Những điều kiện đặc thù của cách mạng Nam Bộ đã ảnh hưởng tới cơ cấu, thành phần trong bộ máy chính quyền ở đây. Theo nhận xét của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, “*khái quát thì thành phần (của chính quyền các cấp - TG) bao gồm các tầng lớp nhân dân, đảng phái, biểu lộ tính chất quốc dân liên hiệp*” (15). Chính quyền từ

Bảng 1: Tình hình đấu tranh xây dựng chính quyền cấp xã ở 17 tỉnh Nam Bộ năm 1949

STT	Tên tỉnh	Tổng số xã	Số xã ta kiểm soát hoàn toàn	Số xã ta kiểm soát bán phần	Số xã ta và địch tranh chấp	Số xã ta lập được Ủy ban KHHC
1	Biên Hoà	102	37	16	26	79
2	Bạc Liêu	35	28	1	6	35
3	Bến Tre	135	45	9	85	135
4	Cần Thơ	47	14	18	15	47
5	Chợ Lớn	88	22	5	61	78
6	Gia Định	89	20	50	19	89
7	Gò Công	31				30
8	Hà Tiên	12	10	1	1	12
9	Long Châu Tiền	39	11	7	21	29
10	Long Châu Hậu	54	11	4	11	30
11	Mỹ Tho	97	24	12	59	95
12	Rạch Giá	47	42	3	2	47
13	Sa Đéc	66	20	22		66
14	Sóc Trăng	60	23	6	31	32
15	Trà Vinh	49	21	12	15	49
16	Tây Ninh	36	11	10	15	27
17	Vĩnh Long	69	29	17	17	63

Nguồn: "Tình hình Nam Bộ 1949". Báo cáo của đồng chí Nguyễn Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ. Hồ sơ số 40, Phòng Khoa học - Công nghệ Quân khu 7.

cấp miền (cấp Nam Bộ) tỉnh, huyện, chưa được kiện toàn, cơ cấu thành phần còn chưa hợp lý. Riêng Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ, mặc dù đã được cải tổ nhưng đến năm 1949 vẫn có cơ cấu gồm 7 ủy viên và 5 cố vấn, thành phần toàn trí thức và tư sản (16).

Ở cấp tỉnh, Ủy ban Kháng chiến Hành chính do quân dân - chính bầu. Trong số 70 ủy viên cấp tỉnh chỉ có 5 công nhân và 2 nông dân; số còn lại là điền chủ, tư sản (17).

Ở cấp huyện, theo báo cáo của 10 tỉnh Nam bộ, trong số 196 ủy viên kháng chiến hành chính huyện có 25 công nhân, 50 nông dân, 6 địa chủ và 115 trí thức (18).

Ở cấp xã, số bần cố nông tham gia chính quyền rất ít; phần nhiều là trung nông, phú nông, địa chủ. Trong số 165 ủy viên kháng chiến hành chính của Bạc Liêu chỉ có 34 công nhân, 3 nông dân, còn lại là 45 điền chủ, 86 tiểu tư sản (19). *Rõ ràng trong*

*bộ máy chính quyền cách mạng từ cấp Nam bộ đến cấp xã, công-nông không phải là thành phần nòng cốt. Nhưng tại sao bộ máy chính quyền nòng cốt phi công nông vẫn đi theo quỹ đạo dân chủ phục vụ kháng chiến? Ở đây, yếu tố quyết định chính là Đảng ta - nhân tố đại diện không chỉ quyền lợi giai cấp mà còn là quyền lợi dân tộc. Hoàn toàn có cơ sở để nói rằng: sự nghiệp xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1947-1950 cung cấp kinh nghiệm tuyệt vời về mối quan hệ giữa Đảng và chính quyền.*

#### 4. Công tác xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ, giai đoạn 1950 - 1954

Kể từ chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950, cuộc kháng chiến của ta đã chuyển sang giai đoạn phản công chiến lược địch trên chiến trường Bắc Bộ. Nhưng ở Nam Bộ những năm này, lợi dụng một số yếu kém của lực lượng kháng chiến, thực dân Pháp



đẩy mạnh thủ đoạn chia cắt, lấn chiếm, gây cho Nam Bộ nhiều khó khăn.

Tháng 9-1949, đoàn cán bộ Đảng, chính phủ, quân đội do đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng dẫn đầu cùng Phạm Ngọc Thạch, Thứ trưởng Phủ chủ tịch (danh nghĩa trưởng phái đoàn Chính phủ), Dương Quốc Chính (Lê Hiến Mai), Thiếu tướng, đại diện Bộ Quốc phòng và khoảng 30 cán bộ chính trị, quân sự cao cấp nữa đã tới được căn cứ địa Xứ ủy ở Đồng Tháp Mười.

Sự tăng viện cán bộ từ Trung ương đã góp phần củng cố và phát triển hệ thống Đảng và chính quyền cách mạng Nam Bộ trong giai đoạn này. Công tác Đảng, chính quyền và quân đội đi vào nề nếp, quy củ. Xứ ủy đã xây dựng trường Đảng mang tên Trường Chinh để trang bị lý luận, đường lối chủ trương của Đảng cho đội ngũ cán bộ cốt cán của Nam Bộ từ cấp khu ủy, lĩnh ủy, ban ngành cấp Nam Bộ, cán bộ chỉ huy cấp tiểu đoàn trở lên.

Trước tình hình trong nước và thế giới đang có lợi cho ta, và trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cuộc kháng chiến, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã triệu tập “Đại hội đại biểu toàn quốc lần II” tại Chiêm Hóa (Tuyên Quang) từ 11/19/2/1951. Đại hội đã đưa ra chủ trương mới là tổ chức các cục Trung ương để chỉ đạo các địa phương xa (20). Tiếp theo Đại hội Đảng lần II, là Đại hội thống nhất mặt trận Việt Minh và hội Liên Việt thành “Mặt trận Liên hiệp Quốc dân Việt Nam” (Mặt trận Liên Việt) nhằm tập hợp mọi đảng phái, đoàn thể, cá nhân tham gia kháng chiến, kiến quốc.

Sau Đại hội Đảng lần II, Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (khóa II) tháng 3-1951 đã quyết định thành lập “Trung ương cục miền Nam” gồm ba ủy viên chính thức (Lê

Đức Thọ, Phạm Hùng, Ung Văn Khiêm) và hai ủy viên dự khuyết (Nguyễn Văn Kính, Hà Huy Giáp). Để thống nhất sự chỉ đạo và tinh giản biên chế, văn phòng Trung ương cục và văn phòng Ủy ban Kháng chiến hợp nhất thành văn phòng Trung ương cục - Ủy ban Nam Bộ. Các ban Tuyên huấn, Tổ chức (Trung ương cục), ban Kinh tế, Tài chính, các sở Thông tin, Giáo dục, Y tế, Công an (Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ) cũng được sắp xếp lại.

Tháng 6-1951, theo chủ trương của Trung ương cục, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ ra nghị định số 252/NĐ-51 tổ chức Nam Bộ thành hai phân liên khu miền Đông và miền Tây - lấy sông Tiền làm ranh giới điều chỉnh lại địa giới hành chính một số tỉnh nhằm tạo cho mỗi tỉnh có vùng căn cứ địa và hành lang liên hoàn để cơ động lực lượng (21). Phân liên khu miền Đông gồm 5 tỉnh (tức 11 tỉnh cũ)

- Gia Định Ninh (Gia Định, Tây Ninh)
- Thủ Biên (Thủ Dầu Một, Biên Hòa)
- Bà Rịa - Chợ Lớn (Bà Rịa, Chợ Lớn)
- Mỹ Tho (Mỹ Tho, Tân An, Gò Công)
- Long Châu Sa (Long Châu Tiền, Sa Đéc).

Còn Phân liên khu miền Tây gồm 6 tỉnh (tức 9 tỉnh cũ)

- Bến Tre
- Vĩnh Trà (Vĩnh Long, Trà Vinh)
- Cần Thơ (Cần Thơ, một phần Rạch Giá)
- Sóc Trăng
- Bạc Liêu
- Long Châu Hà (Long Châu Hậu, Hà Tiên).

Sự phân định các tỉnh mới thực chất vẫn mang nặng mục tiêu quân sự. Các hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, một lần nữa

phải sắp xếp lại theo mô hình quân dân chính. Ở cấp Nam Bộ, Bộ tư lệnh Nam Bộ bị giải thể, chỉ duy trì “Ban nghiên cứu tổng kết” để giúp Trung ương cục thống nhất chỉ đạo các vấn đề quân sự trên toàn chiến trường; đối với cấp phân liên khu, thì bố trí các chức danh lãnh đạo chủ chốt. Phân liên khu miền Đông do đồng chí Lê Duẩn, sau đồng chí Phạm Hùng phụ trách, Phân liên khu miền Tây do đồng chí Lê Đức Thọ phụ trách, Đặc khu Sài Gòn Chợ Lớn do đồng chí Nguyễn Văn Cúc (Mười Cúc) phụ trách (22).

### **5. Những nhiệm vụ chủ yếu của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954**

*Về xây dựng lực lượng chính trị.* Trong khi bình định Nam Bộ, thực dân Pháp đã thi hành chính sách “chia để trị” Chúng lập ra nhiều đảng phái phản động (Thanh niên Bảo quốc đoàn, Liên hiệp Thanh niên nghĩa dũng, Đại việt Quốc dân đảng, Mặt trận bình dân Nam phần...) để đánh lừa quần chúng và tạo thêm cơ sở xã hội, lôi kéo cán bộ kháng chiến ra đầu thú và làm việc cho Pháp. Thực dân Pháp còn mua chuộc, lôi kéo những nhóm phản động trong Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, Hoa kiều Quốc dân đảng... Những nhóm này được thực dân Pháp vũ trang, hoặc cất đất lập “vùng tự trị” chống lại công cuộc kháng chiến của ta.

Xây dựng lực lượng chính trị, thực hiện đoàn kết dân tộc lúc này là rất cấp thiết đối với cách mạng Nam Bộ. Đảng ta nhận thức rõ điều ấy nên trong “Thư gửi các đồng chí Nam Bộ” tháng 12-1946, Trung ương Đảng chỉ rõ *... Việc kêu gọi các nhà đại trí thức, điền chủ phải làm ráo riết, nhưng quan trọng nhất là về tôn giáo. Với Công giáo,*

*Cao Đài, Hoà Hảo có tìm hết cách để đoàn kết... Có thắt chặt hàng ngũ với Đảng Dân chủ và các đảng phái...*” (23). Theo tinh thần đó, giữa năm 1947, tại Đồng Tháp Mười, đại biểu của 17 đoàn thể, chính đảng, tôn giáo, nhân sĩ yêu nước đã tiến hành hội nghị thành lập ra “Hội Liên Việt Nam Bộ”, với tôn chỉ là đoàn kết tập hợp mọi nhóm đảng phái yêu nước, không phân biệt giai cấp, sắc tộc, tôn giáo, xu hướng chính trị, đấu tranh vì một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường (24).

Song song với việc củng cố mặt trận đoàn kết dân tộc là việc phát triển và củng cố các đoàn thể cứu quốc. Chẳng hạn, ngày 25-11-1946, Tổng công đoàn Nam Bộ được đổi tên thành “Liên hiệp Nghiệp đoàn Nam Bộ” có lực lượng ở cả vùng tự do và vùng tạm chiếm. Đầu năm 1948, số lượng thành viên của tổ chức này ở vùng tự do lên đến 41 ngàn người (25). Hội nông dân cứu quốc Nam Bộ được thành lập ở 19 tỉnh trong tổng số 21 tỉnh thành của Nam Bộ. Đoàn thể phụ nữ cứu quốc ở các vùng tự do cũng phát triển với các phong trào “Hội mẹ chiến sỹ” “Hội chị chiến sỹ” “Hũ gạo kháng chiến”... Trong các vùng tạm chiếm, phụ nữ tham gia đấu tranh chính trị đòi dân sinh dân chủ, chống bắt lính... Năm 1950, Đoàn phụ nữ cứu quốc Nam Bộ đã cùng các đoàn thể phụ nữ khác (Phụ nữ dân chủ, Phụ nữ Công giáo, Phụ nữ Cao Đài...) tiến hành đại hội thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Nam Bộ do Nguyễn Thị Thập làm hội trưởng. Hội Phật giáo cứu quốc ra đời từ cuối năm 1946 tại chiến khu Đồng Tháp Mười, do Hòa thượng Thích Minh Nguyệt làm chánh hội trưởng. Trong vùng tự do, Hội Phật giáo cứu quốc đã vận động đồng bào Phật tử tham gia sản xuất, tòng quân giết giặc; ở vùng tạm chiếm, Hội vận động tín đồ ủng

hộ thuốc men, tiền bạc cho kháng chiến. Nhiều ngôi chùa trở thành cơ sở cách mạng dùng làm trạm giao liên, che giấu cán bộ, cất chứa vũ khí.

Một số giáo phẩm và đồng bào Công giáo cũng lập ra hai tổ chức là “Thanh niên Công giáo” và “Phụ nữ Công giáo” để tập hợp đông đảo quần chúng đóng góp cho kháng chiến với tinh thần “vì Chúa, vì Tổ quốc”

*Về xây dựng lực lượng vũ trang.* Sau khởi nghĩa thắng lợi ở Nam Bộ, đã xuất hiện nhiều đơn vị bộ đội do Đảng bộ hay chỉ bộ các nơi tổ chức. Tại Sài Gòn đêm ngày 4-9-1945 đã ra mắt “Lực lượng công nhân xung phong Nam Bộ”, dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Lưu (chỉ huy trưởng), Từ Văn Ri (chỉ huy phó), Huỳnh Đình Mai (tham mưu trưởng). Ở một số quận hoặc xung quanh Sài Gòn có những đơn vị mang tên địa phương hay tên người chỉ huy như bộ đội Tô Ký, Huỳnh Văn Một, Cao Đức Luốc, bộ đội Trung quận, Huỳnh Văn Nghệ... Đến khi toàn quốc kháng chiến, trên chiến trường Nam Bộ đã hình thành 27 chi đội Vệ quốc đoàn, vài đơn vị tác chiến độc lập và đơn vị Quốc vệ đội (công an vũ trang). Quân số mỗi chi đội rất khác nhau, từ khoảng nửa tiểu đoàn đến gần một trung đoàn, trang bị thiếu thốn và còn thiếu kinh nghiệm tác chiến (26). Trong các năm 1946-1947 còn có 4 đơn vị “Bộ đội hải ngoại” là những Việt kiều ở Thái Lan, Lào, Campuchia tự nguyện tòng quân về nước chiến đấu.

Theo chủ trương của Xứ ủy, từ tháng 3-1948 các chi đội được sắp xếp, biên chế lên cấp trung đoàn; khu Bảy có 10 trung đoàn và 1 tiểu đoàn cơ động, khu Tám có 6 trung đoàn và 1 tiểu đoàn chủ lực, khu Chín có 6 trung đoàn. Các trung đoàn là *bộ đội tập trung địa phương* ở các tỉnh, nơi mà đơn vị

đó hình thành và tác chiến. Ngoài ra, lực lượng dân quân du kích, dân quân tự vệ cũng được xây dựng ở nhiều nơi. Dưới cấp xã, có một uỷ viên phụ trách quân sự trong Ủy ban Hành chính kháng chiến xã, cùng với Ban chỉ huy xã đội và lực lượng du kích xã. Bên cạnh lực lượng du kích xã còn có lực lượng công an xã, thường chỉ có một vài người. Tính đến cuối năm 1948, tổng số dân quân tự vệ ở Nam Bộ là 270.593 người (27).

Về mặt tổ chức, nhằm tăng cường sự thống nhất trong công tác quân sự, ngày 12-12-1947 Hội nghị liên khu đã quyết định thành lập “Ủy ban Quân sự Nam Bộ” do Nguyễn Thanh Sơn (Nguyễn Văn Tây) phụ trách (28). Nhưng đến tháng 10-1948, Ủy ban quân sự Nam Bộ bị bãi bỏ, thay vào đó là việc thành lập “Bộ tư lệnh Nam Bộ” do Trung tướng Nguyễn Bình làm tư lệnh. Ngày 21-3-1949, Hồ Chủ tịch ký 3 sắc lệnh, chính thức bổ nhiệm Nguyễn Bình làm Tư lệnh, Trần Văn Trà làm Phó tư lệnh, Phạm Ngọc Thuần làm Chính trị viên. Phòng Dân quân Nam Bộ được thành lập do Lê Duẩn trực tiếp làm trưởng phòng. Ở các khu có Ban dân quân; ở các cấp tỉnh, huyện, xã thì bỏ Ủy viên quân sự để thành lập “Tỉnh đội dân quân”, “Huyện đội dân quân” và “Xã đội dân quân” (29). Đến năm 1950, bộ đội chủ lực đầu tiên đã xuất hiện ở Nam Bộ, đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của lực lượng vũ trang cách mạng.

*Về củng cố mở rộng căn cứ địa cách mạng, xây dựng nền kinh tế kháng chiến, thực hiện chức năng quản lý nhà nước.* Trong kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ, việc xây dựng căn cứ địa làm chỗ đứng chân an toàn cho cơ quan đầu não kháng chiến, các lực lượng vũ trang và cơ sở hậu cần trở thành một yêu cầu bức thiết. Theo sự chỉ đạo của Trung ương, Xứ ủy Nam Bộ ngay từ đầu cuộc kháng chiến đã chú trọng

xây dựng, củng cố, phát triển ba căn cứ chính là chiến khu Đ ở miền Đông, Đồng Tháp Mười ở miền Trung, căn cứ U Minh ở miền Tây. Trong ba chiến khu trên thì chiến khu Đồng Tháp Mười giữ vai trò đặc biệt quan trọng, được coi là “Thủ đô kháng chiến của Nam Bộ” trong những năm 1946 -1948. Từ năm 1949, cơ quan đầu não kháng chiến Nam Bộ mới chuyển về U Minh để tránh sự càn quét của thực dân Pháp.

Trong điều kiện chiến tranh, chính quyền cách mạng vẫn tập trung xây dựng kinh tế kháng chiến nhằm cung cấp tiền bạc, các nguồn lực vật chất phục vụ kháng chiến; mặt khác, chống lại các âm mưu thủ đoạn của địch nhằm chống phá kinh tế kháng chiến.

Xứ ủy và Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã ban hành những chính sách đúng đắn, như tạm cấp cho dân nghèo số ruộng đất tịch thu từ thực dân, địa chủ việt gian; đáp ứng tốt nguyện vọng của nông dân. Ở Đồng Tháp Mười, mỗi hộ dân nghèo được tạm cấp một khoảnh đất khoảng 10 ha để canh tác (30). Từ năm 1950, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ tổ chức “Hội nghị nông dân miền Tây”, chính thức phát động việc tạm cấp đất và cuộc vận động địa chủ hiến đất. Cuộc vận động này kéo dài đến năm 1953. Kết quả đến năm này, nông dân Nam Bộ được chia 460 ngàn ha; qua năm 1954, con số đó là 573.940 cho toàn Nam Bộ (31).

Trong nông nghiệp, thuế và những khoản đóng góp của nông dân được chính quyền phân bổ hợp lý. Các loại thuế gồm: thuế đất, thuế hoa chi, thuế môn bài; sau này thống nhất thu thuế đảm phụ quốc phòng. Để bổ sung cho nguồn thu nhà nước, chính quyền cách mạng còn vận động nhân dân mua công phiếu kháng chiến, vận động người giàu cho nhà nước vay mượn tiền của.

Ngoài việc sản xuất lương thực, chính quyền cách mạng khuyến khích nông dân chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn trái; về thủ công nghiệp, khuyến khích trồng bông, dệt vải, nuôi tằm, làm giấy, nước mắm, tương, chao, sản xuất đường mía...

Thực hiện chủ trương của Đảng, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam bộ đã quyết định thành lập “Ủy ban bao vây kinh tế địch” cấp Nam Bộ và cấp tỉnh; cấm lưu thông hàng hóa giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm. Mặc dù kẻ địch đã thực hiện nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm chống phá kinh tế kháng chiến, nhưng nền kinh tế kháng chiến Nam Bộ vẫn trụ vững.

Để đánh phá nền kinh tế kháng chiến Nam Bộ, thực dân Pháp đã ra lệnh không sử dụng tờ bạc 100 đồng Đông Dương Ngân hàng, gọi là đồng IDEO. Ai có loại tiền ấy phải đến ngân hàng đổi. Thủ đoạn của địch làm rối loạn và đình trệ việc giao dịch, mua bán của ta một thời gian. Bấy giờ, Nguyễn Thành Vĩnh, Ủy viên tài chính của Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam Bộ đã đề nghị giải pháp khẩn cấp, theo đó, ta dùng con dấu của chính quyền tỉnh đóng lên những giấy bạc mà địch không lưu hành trong vùng tạm chiến nữa để lưu hành trong vùng tự do của ta, cắt đôi tờ giấy bạc để khắc phục tình trạng thiếu tiền lẻ. Đồng thời Sở tài chính Nam Bộ đề nghị Ủy ban Kháng chiến xin phép Trung ương in tiền Việt Nam cho Nam Bộ.

Việc phát hành giấy bạc Nam Bộ đã đảm bảo cho nền kinh tế kháng chiến Nam Bộ vận hành thông suốt. Đến tháng 10-1954, Chính phủ ra sắc lệnh thu hồi tiền Việt Nam Nam Bộ và đổi trả bằng tiền Đông Dương Ngân hàng để đảm bảo quyền lợi của dân. Ngoài nhiệm vụ củng cố bộ máy tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang,

phát triển nền kinh tế kháng chiến, các cấp chính quyền còn chú trọng đến công tác văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục.

Sau Tạm ước 14-9-1946, Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ đã quyết định thành lập "Sở Quân Dân y Nam Bộ" và "Phòng y tế" các khu. Bấy giờ Bác sĩ Hồ Văn Huê làm Trưởng phòng quân y khu Bảy kiêm Giám đốc Sở y tế Nam Bộ. Đến tháng 7-1947, Bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng được cử làm Giám đốc Sở Quân Dân y Nam Bộ. Mặc dù trong hoàn cảnh khó khăn của cuộc kháng chiến, hàng trăm bệnh viện, bệnh xá, trạm cứu thương, nhà bảo sanh được xây dựng ở vùng tự do.

Về công tác giáo dục, nhiều lớp bình dân học vụ được mở ra để dạy chữ cho đồng bào. Giai đoạn 1947-1949, phong trào "Diệt dốt" ở Nam Bộ đã xóa mù chữ cho gần 600 ngàn người, đạt 21% số người mù chữ trong độ tuổi từ 16 đến 25 thuộc vùng kháng chiến kiểm soát, mở được 9.400 lớp dự bị bình dân với khoảng 209.700 học viên mãn khóa (32). Chính quyền cách mạng còn mở được một số trường tiểu học, trường thiếu sinh quân, trường trung học nội trú ở khu Tám và khu Chín. Trong giảng dạy, nhà trường luôn gắn liền học tập với lao động (làm ruộng, trồng rau, xây cất trường lớp...) gắn kết giáo dục với dân vận nhằm nâng cao dân trí.

Đến giai đoạn 1950-1954, mặc dù thực dân Pháp mở nhiều đợt càn quét ác liệt, nhưng sự nghiệp phát triển y tế giáo dục vẫn tiếp tục phát triển. Năm 1954, toàn Nam Bộ có 3 triệu người thoát nạn mù chữ, trong đó có nửa triệu người được học lên các lớp dự bị (khoảng 20 ngàn lớp); về y tế, toàn Nam Bộ có 4.973 bác sĩ, đã tự sản xuất được nhiều loại thuốc trị bệnh, kết hợp Đông - Tây y trong chăm sóc sức khỏe

cán bộ và nhân dân, kiểm soát được dịch bệnh trong vùng giải phóng (33).

Như vậy, hệ thống chính quyền cách mạng ở Nam Bộ trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954 đã dần dần thực hiện hầu hết các chức năng trấn áp quân thù, đoàn kết mọi lực lượng dân tộc yêu nước, quản lý và xây dựng xã hội mới, góp phần to lớn vào sự nghiệp kháng chiến kiến quốc của toàn dân tộc.

\*

Qua việc trình bày những luận điểm trên, từ các tiếp cận đối chiếu lịch sử, chúng ta có thể đánh giá đúng tầm vóc to lớn của sự nghiệp xây dựng chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954:

Sự thiết lập chính quyền cách mạng ở Nam Bộ diễn ra trong bối cảnh lịch sử đầy cam go, thử thách. Sau cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (tháng 11-1940) thất bại, phải đến năm 1943 phong trào cách mạng ở Nam Bộ mới được phục hồi, nhưng sau đó lại bị phân hoá thành hai tổ chức là Xứ ủy Tiền phong và Xứ ủy Giải phóng. Ở Nam Bộ không có những cuộc khởi nghĩa từng phần; chỉ có sự phát triển của lực lượng cách mạng và phong trào quần chúng tiến thẳng lên tổng khởi nghĩa.

Chính quyền cách mạng ở Nam Bộ ra đời trong điều kiện thiếu sự chuẩn bị căn bản về mọi mặt; chưa có chiến khu hoặc vùng giải phóng, chưa xây dựng được lực lượng vũ trang dù chỉ là những đơn vị nhỏ; lực lượng Việt Minh còn mỏng, chưa giữ được vai trò nòng cốt về chính trị và tổ chức ở các cấp chính quyền, vì thế trong giai đoạn đầu, chính quyền cách mạng phải dung nạp cả đại diện của một số tôn giáo, đảng phái khác. Có thể nói, *giai đoạn 1945-1947, trong các cấp chính quyền cách mạng ở Nam Bộ, thành phần nòng cốt phi công*

*nông chiếm ưu thế.* Từ năm 1947 trở đi, hệ thống chính quyền cách mạng ở Nam Bộ mới dần được thanh lọc để đáp ứng những đòi hỏi của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ. Chính quyền cách mạng đã tổ chức, động viên quần chúng tăng gia sản xuất, tự túc ăn mặc, tạm cấp ruộng đất cho nông dân, thực hiện giảm tô, thành lập các hợp tác xã...

Là một bộ phận khăng khít của chính quyền dân chủ nhân dân trên cả nước, chính quyền cách mạng Nam Bộ đã thực hiện một cách sáng tạo các chức năng cơ bản của nền chuyên chính công - nông. Đó là nhiệm vụ xây dựng củng cố hệ thống chính quyền các cấp dựa trên nền tảng công-nông liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, đấu tranh chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù. Đó là nhiệm vụ xây dựng lực lượng vũ trang, hình thành các chiến khu, căn cứ địa, vùng tự do, nơi mà chính quyền

cách mạng đã thực hiện quyền quản lý xã hội của mình trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế và giáo dục. Chính quyền cách mạng đã trở thành một hệ thống từ cấp Nam Bộ đến cấp xã, tồn tại song song và đấu tranh lấn áp chính quyền địch. Có thể cho rằng, chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954 là một hình thức quá độ sáng tạo của chuyên chính vô sản.

Đến đây, một vấn đề mới lại xuất hiện là, tại sao thời kỳ này, chỉ ở Nam Bộ mới có chính quyền cấp xứ (cấp Nam Bộ), Trung Bộ không có? Có yếu tố "hậu thuộc địa" chăng, hay đơn thuần chỉ là điều kiện xa Trung ương (điều kiện địa lý)? Đặc điểm của chính quyền cách mạng vùng Viễn Đông xa xôi của nước Nga sau cách mạng tháng Mười, có gì tương đồng với đặc điểm của chính quyền cách mạng ở Nam Bộ giai đoạn 1945-1954?... Những câu hỏi đó chúng tôi sẽ có dịp trở lại sau.

## CHÚ THÍCH

(1), (5), (7). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (Phần Mở đầu). Bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 83, 95, 110-129.

(2). *Mùa thu rồi, ngày hăm ba...* Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996. Tập 1, tr. 326-331.

(3). Bằng Giang. *Sài Côn cố sự*, tr. 142; trích theo "*Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*" (Phần Mở đầu). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến, bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 89.

(4). Trần Văn Giàu. *Thành công của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*. Tập 3, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1993, tr. 649.

(6). Các ủy viên khác là: Nguyễn Văn Tạo - Ủy trưởng nội vụ, Nguyễn Phi Hoanh - Ủy trưởng tài chính, Phạm Ngọc Thạch - Ủy trưởng ngoại giao, Hoàng Đôn Văn - Ủy trưởng lao động, Dương Bạch Mai - Ủy trưởng Quốc gia tự vệ cuộc, Nguyễn Thanh Sơn (Nguyễn Văn Tây) - Thanh tra chính trị, Ngô Tấn Nhơn - Ủy trưởng kinh tế, Huỳnh Văn Tiểng - Ủy trưởng tuyên truyền và thanh niên.

(8). Tình hình Nam Bộ 1945-1975 (Báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ). Hồ sơ số 18, Phòng Khoa học và Công nghệ Quân khu 7, tr. 18.

(9). *Lịch sử Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh, 1945-1954*, Tập 1 (sơ thảo). Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.

(10). Các thành viên của Ủy ban nhân dân Nam bộ gồm: Phạm Văn Bạch Chủ tịch, Trần Văn Giàu - Phó Chủ tịch kiêm Ủy trưởng quân sự, Nguyễn Văn Tạo Ủy trưởng nội vụ, Phạm Ngọc Thạch - Ủy trưởng ngoại giao, Ngô Tấn Nhơn - Ủy trưởng kinh tế; 4 ủy trưởng còn lại là: Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Nghiêm, Từ Bá Đước, Huỳnh Phú Sổ. Xem *Lịch sử Nam bộ kháng chiến Phần thứ nhất, Nam bộ kháng chiến chống Pháp*. Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến, bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 9.

(11). Tình hình Nam bộ 1945-1975 (Báo cáo của Ủy ban Kháng chiến Hành chính Nam Bộ). Hồ sơ số 18, tr. 18. Phòng khoa học - công nghệ Quân khu 7.

(12). Tình hình Nam Bộ năm 1949 (Báo cáo của đồng chí Phạm Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ) Hồ sơ số 40, tr.17, Phòng Khoa học và Công nghệ Quân khu 7.

(13). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (Phần thứ nhất, *Nam Bộ kháng chiến*). Bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 82-90.

(14). *Lịch sử cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1995, tr. 376.

(15), (16), (17), (18), (19). *Tình hình Nam Bộ 1949*. Báo cáo của đồng chí Nguyễn Văn Bạch, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ. Hồ sơ số 40, Phòng Khoa học - Công nghệ Quân khu 7.

(20). Điều lệ Đảng Lao động Việt Nam, điều 53. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 12, tr. 467.

(21), (22). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (Phần thứ nhất, *Nam Bộ kháng chiến chống Pháp*), bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 187-188.

(23). *Văn kiện Đảng toàn tập*. Tập 8, tr. 158-163.

(24), (25), (26). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (Phần thứ nhất, *Nam Bộ kháng chiến chống Pháp*), bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 91-192, 92, 109.

(27). *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - thắng lợi và bài học*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 138.

(28). Ủy ban Quân sự Nam Bộ gồm các ông: Nguyễn Thanh Sơn, ủy viên Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, Trưởng ban; Lê Quân, ủy viên dân quân; Phạm Ngọc Thuần, ủy viên chính trị; và 3 vị trưởng khu (xem *Tình hình Nam Bộ 1945-1975*, sđd).

(29), (30), (31). Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến. *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến* (Phần thứ nhất, *Nam Bộ kháng chiến chống Pháp*), bản nghiệm thu công trình, tháng 8-2005, tr. 112, 93, 211.

(32), (33). *Giáo dục Nam bộ trong kháng chiến chống Pháp*. Nxb. Trẻ, tr. 53, 219-220.